TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2018
Vv: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Đình Mai.

2. Bà Lê Thị Quỳnh Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2018/TLST-HNGĐ ngày 27-3-2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-8-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30-8-2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm: 1986; địa chỉ: Tổ X, ấp Y, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Nguyễn Bảo A, sinh năm: 1983; địa chỉ: Tổ X, ấp Y, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong qúa trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:

Chị T và anh A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn do tại thời điểm đó chị T chưa đủ tuổi kết hôn. Đến ngày 02-12-2004, mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Do có con ngoài ý muốn nên vội vàng kết hôn khi hai bên chưa thực sự hiểu hết về nhau, nên trong quá trình chung

sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến bất đồng ý kiến, quan điểm trong cuộc sống mà không giải quyết được. Trong lúc vợ chồng mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị T lại có mối quan hệ trên mức tình bạn với người đàn ông khác bị anh A phát hiện nên mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Sự việc xảy ra chị T tự hứa với mình là sửa đổi để lo cho gia đình, con cái nhưng anh A không đồng ý bỏ qua mà thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm, mặc cho chị T nhiều lần níu kéo nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày một lớn, xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị T về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 6-2017 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không hòa giải với nhau mà để cho mâu thuẫn đến đâu thì đến, lúc đầu chị T có về thăm con nhưng anh A đuổi không cho thăm, sau này do con đòi gặp nên anh A có đưa con xuống bên ngoại, mỗi khi gặp nhau vợ chồng không nói chuyện với nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con: Chị T và anh A có hai con chung là cháu Lê Trần Mai T, sinh ngày 04-12-2003 và cháu Lê Trần Bảo N, sinh ngày 16-9-2010. Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nam, giao cháu Thảo cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh A với bên nhà nội và có nguyện vọng được ở với anh A nên chị T đồng ý giao các con cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng và chị T cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Nguyễn Bảo A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Qua xác minh tại địa phương, hiện nay anh A đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ X, ấp Y, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu làm nghề lái xe và hiện nay vẫn sinh sống tại địa chỉ nói trên.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa là chưa chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Anh A và chị T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau không còn tình cảm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn một thời gian dài sống ly thân không hàn gắn được, cho thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giao cháu Lê Trần Mai T, sinh ngày 04-12-2003 và cháu Lê Trần Bảo N, sinh ngày 16-7-2010 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và chị T cấp dưỡng theo khả năng của mình; về tài sản chung, nợ chung không giải quyết. Chị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh A được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay anh A đang cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Anh A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa ngày 02-12-2004 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị T do kết hôn khi còn quá trẻ nên chưa thực sự hiểu hết về nhau, khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được dẫn đến bất đồng ý kiến, quan điểm trong cuộc sống. Trong khi đó chị T lại có mối quan hệ không trong sáng bên ngoài làm cho anh A nghi ngờ dẫn đến mâu thuẫn thêm trầm trọng, mặc dù chị T tự hứa với mình là sửa đổi để lo cho gia đình, con cái nhưng anh A không chấp nhận. Tháng 6-2017, chị T về bên nhà cha mẹ ruột ở và từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Theo gia đình anh A cho biết, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng do chị T có mối quan hệ với người đàn ông khác, thời gian đầu anh A có níu kéo để hàn gắn tình cảm, nhưng chị T không sửa đổi nên bỏ mặc. Trong qúa trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay anh A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng,

nhưng vẫn cố tình vắng mặt, cho thấy anh A không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa anh A và chị T là có thật đúng như lời trình bày của chị T. Căn cứ vào quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Về con: Chị T và anh A có hai con chung là cháu Lê Trần Mai T, sinh ngày 04-12-2003 và cháu Lê Trần Bảo N, sinh ngày 16-9-2010. Hiện nay các cháu đang ở với anh A cùng gia đình bên nội và có nguyện vọng được ở với anh A nên chị T đồng ý giao các con cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình. Vì vậy, giao con chung cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Anh A vắng mặt và không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trường hợp có tranh chấp về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung thì các bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí hôn ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Lê Nguyễn Bảo A.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Lê Nguyễn Bảo A.

Về con: Giao cháu Lê Trần Mai T, sinh ngày 04-12-2003 và cháu Lê Trần Bảo N, sinh ngày 16-9-2010 cho anh Lê Nguyễn Bảo A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Trần Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Thanh T được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2017/0001288 ngày 26-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25-9-2018, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hoàng Đức

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND xã Hòa Long;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu ...